

Số: **213/2017/QĐST-HNGĐ**

Thành phố B, ngày 18 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2012/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2012.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: 25B1 phường 2, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm 1977 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2014)

Nơi cư trú: 550/34 đường H, phường 16, quận 11, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: 114A1 khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962.

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962.

Cùng nơi cư trú: Ấp 2, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nh tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2016).

- Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: 351 ấp 1, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tài sản không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn T thỏa thuận không tranh chấp tài sản là các phần đất thuộc các thửa 43 (diện tích là 2.394,7m²), thửa 47 (diện tích là 2.426,9m²), thửa 48 (có diện tích là 445,3m²) cùng tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre do hộ ông Lê Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Tài sản chung của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đất: Phần đất có diện tích 496,4 m² thuộc thửa số 09 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do hộ ông Lê Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá là 1.489.200.000 đồng, có tứ cận như sau:

+ Phía bắc giáp ông Võ Thành Nh và bà Nguyễn Thị Ch.

+ Phía nam giáp ông Võ Hoài N.

+ Phía đông giáp ông Nguyễn Thành X.

+ Phía tây giáp Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Bến Tre.

Ông T và bà Đ thỏa thuận mỗi bên nhận một phần diện tích đất, cụ thể:

+ Ông Lê Văn T nhận phần đất có nhà có diện tích là 258,9m² (gồm thửa 9A + 48A theo họa đồ ngày 28/7/2017).

+ Bà Nguyễn Thị Đ nhận phần đất có diện tích 237,5m² (gồm thửa 9B+48B và thửa 9F theo họa đồ ngày 28/7/2017).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ dành phần đất có chiều ngang 2m chiều dài khoảng 8m có diện tích là 16,2m² (thửa 9F theo họa đồ ngày 28/7/2017) thuộc phần đất của bà Đ được nhận làm lối đi chung. Ông Lê Văn T được quyền sử dụng phần đất này để làm lối đi. (Có họa đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Đ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn T liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận theo quy định của pháp luật.

- Tiền đền bù: Số tiền đền bù phần đất thuộc thửa 90 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và tiền nợ Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh Bến Tre ông T và bà Đ thống nhất số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bà Đ đang quản lý số tiền này. Mỗi người được nhận 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

2.3. Nợ chung ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ thống nhất như sau:

- Ông Lê Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc A số tiền 80.500.000 đồng (tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày 17/11/2016 là 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Lê Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn T số tiền 185.250.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 46,5 chỉ vàng 24K (tương đương 158.100.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu một trăm nghìn đồng)) và số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày 17/11/2016 là 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận bà Lê Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Lê Văn T trả số tiền nợ trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Chi phí thu thập chứng cứ: Các đương sự tự nguyện chịu theo yêu cầu của mình và đã nộp xong.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Án phí đối với tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp là 19.419.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010880 ngày 05/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Đ còn phải nộp số tiền là 6.919.000 đồng (sáu triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

Ông Lê Văn T phải nộp là 14.577.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Án phí đối với nợ chung:

Ông Lê Văn T phải nộp là 6.644.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Lê Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006784 ngày 21/7/2010 và 895.000 đồng (tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000219 ngày 19/10/2016 của của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.688.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006794 ngày 26/7/2010 và 934.000 đồng (chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000220 ngày 19/10/2016 của của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan